

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2020/KDTM-PT

Ngày: 25 và 27/11/2020

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Bình

Các thẩm phán: Bà Ngô Tuyết Băng

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Hạnh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:***  
Ông Trần Văn Lùng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 và 27 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 168/2020/TLPT-KDTM ngày 15/6/2020 về việc Tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 22/2019/ KDTM-ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 583/2020/QĐ-PT ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ trụ sở: Số X- T, quận H, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L – Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thu H, bà Phạm Thị T, ông Luyện Duy H và ông Phạm Huy C (theo văn bản ủy quyền số 538/UQ-S ngày 23/10/2020).

Địa chỉ liên hệ: Số 71B H, pH H, quận H, thành phố Hà Nội

**- Bị đơn:** Công ty TNHH T

Địa chỉ trụ sở: Tầng 12, cầu thang 2, Tòa nhà S, quận N, thành phố Hà Nội

Địa chỉ liên hệ: Nhà số 7, dãy Q, pH T, quận T, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Quốc C - Giám đốc

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Công ty cổ phần Xây dựng số Z

Địa chỉ: Số 08 đường P, pH X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan H A - Giám đốc

*Người kháng cáo:* Ngân hàng TMCP S

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện và tại các biên bản ghi lời khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Công ty TNHH T (sau đây gọi tắt là Công ty T) ký với Ngân hàng TMCP S (S) - Chi nhánh Tây Nam Hà Nội theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 51/2004/HĐHM-PN/S.111300 ngày 16/09/2014, theo đó: Hạn mức số tiền vay: 52.191.000.000 đồng (Năm mươi hai tỷ một trăm chín mươi một triệu đồng chẵn); Mục đích: Bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh thanh toán thi công công trình dự án DA268 theo Hợp đồng số 16/HĐ-DA268/2013/CÔNG TY Z-TECHCOM giữa Công ty T và Công ty cổ phần Xây dựng số Z (sau đây gọi tắt là CÔNG TY Z); Thời hạn vay: 3 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên; Trả nợ gốc và lãi (Trả nợ gốc: gốc trả cuối kỳ, Trả nợ gốc: lãi trả vào ngày 25 hàng tháng); Lãi suất vay trong hạn là 10.7%/năm; Lãi suất điều chỉnh 3 tháng 1 lần kể từ ngày giải ngân; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là các khoản tiền mà Công ty TNHH T phải thu phát sinh từ Hợp đồng thi công lắp đặt hệ thống cơ điện số 16/HĐ-DA268/2013/CÔNG TY Z-TECHCOM giữa Công ty T và Công ty Z tổng trị giá 110.796131.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 52/2013/TCQĐN/S.TNHN ký giữa Ngân hàng S và Công ty T ngày 18/12/2013 và phụ lục hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 01/2014/PLHĐ ngày 16/9/2014. Việc thế chấp quyền đòi nợ được Công ty Z xác nhận đồng ý tại Công văn số 135/2013/TB.S.TNHN ngày 18/12/2013 và đăng ký giao dịch bảo đảm số 1153276056 do Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội chứng nhận ngày 23/12/2013.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Từ ngày 17/9/2014 đến ngày 17/12/2014, Ngân hàng S đã giải ngân tổng số tiền 18.464.155.641 đồng (Mười tám tỷ bốn trăm sáu mươi bốn triệu một trăm năm mươi năm ngàn sáu trăm bốn mươi một đồng) cho Công ty T theo 29 khế ước nhận nợ từ số 01- 29/51/2014/KUNN-DN. Trong quá trình thực

hiện dự án DA268, Công ty T đã được Công ty Z thanh toán một phần công trình và đã trả nợ cho S số tiền 9.434.699.217 đồng.

Sau khi phát sinh nợ quá hạn, S đã nhiều lần đôn đốc, phối hợp cùng Công ty T và Công ty Z để hoàn tất công tác thanh quyết toán công trình tuy nhiên các bên đều không thống nhất giải quyết dẫn đến Công ty T không được thanh toán tiền công trình đã thi công, mặc dù công trình DA 268 đã được đưa vào sử dụng từ năm 2016. S cũng đã nhiều lần gửi các công văn yêu cầu Công ty T trả nợ, Công ty Z thanh toán tiền công trình về S nhưng các bên cũng không thực hiện, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của S. S đề nghị Tòa án giải quyết các nội dung sau:

Buộc Công ty TNHH T phải trả Ngân hàng TMCP S số tiền nợ tạm tính đến ngày 29/10/2019 là 21.662.338.677 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 11.829.929.826 đồng;
- Lãi trong hạn: 6.629.686.236 đồng;
- Lãi quá hạn gốc: 3.202.722.615 đồng;

Từ ngày 30/10/2019, Công ty TNHH T tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Trường hợp Công ty TNHH T không thực hiện được hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng TMCP S được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp cho khoản vay để thu hồi nợ cho ngân hàng. Cụ thể là: Các khoản tiền mà Công ty TNHH T phải thu phát sinh từ Hợp đồng thi công lắp đặt hệ thống cơ điện số 16/HĐ-DA268/2013/CÔNG TY Z-TECHCOM ngày 24/8/2013 giữa Công ty TNHH T và Công ty cổ phần Xây dựng số Z. Buộc Công ty cổ phần Xây dựng số Z thực hiện nghĩa vụ thanh toán giá trị thi công thực tế của Công ty TNHH T về tài khoản của Công ty TNHH T mở tại Ngân hàng S để trả nợ cho S.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa tuyên Công ty TNHH T phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho ngân hàng.

Ngân hàng TMCP S rút yêu cầu về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền Lãi quá hạn lãi: 697.521.352 đồng;

**Về phía bị đơn Công ty TNHH T:** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt giao thông báo thụ lý vụ án, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, các thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận, công khai chứng và hòa giải: Bị đơn đã có mặt trong các buổi hòa giải nhưng không cung cấp các tài liệu, chứng cứ, không đưa ra ý kiến tại các buổi hòa giải liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn xin vắng mặt.

**Về người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Công ty cổ phần Xây dựng số Z (gọi tắt là Công ty Z) sau khi thụ lý hồ sơ, Tòa án đã tiến hành gửi các thông báo thụ

lý vụ án, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, các thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Công ty cổ phần Xây dựng số Z đã xin vắng mặt tại các buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Cung cấp các tài liệu liên quan đến việc giải quyết vụ án. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng số 14 trình bày: Nhà thầu phụ Techcom vẫn chưa xuất và bàn giao lại hóa đơn cho CÔNG TY Z với số tiền là 13.444.295.775 đồng theo hồ sơ quyết toán của dự án (đã bàn giao hóa đơn số 86 ngày 06/7/2018 nhưng xuất không đúng quy định của pháp luật nên CÔNG TY Z đã trả lại để làm việc lại với Cơ quan quản lý thuế). CÔNG TY Z khẳng định nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng số 16/HĐ- DA 268/2013/CÔNG TY Z - TECHCOM còn lại số tiền 3.221.132.616 đồng theo hồ sơ quyết toán và biên bản thanh lý hợp đồng, đồng thời CÔNG TY Z sẽ chỉ thanh toán cho TECHCOM khi đủ điều kiện thanh toán theo hợp đồng đó và nhận đủ hồ sơ hợp lệ và CÔNG TY Z nhận được tiền từ tổng thầu là Tổng Công ty xây dựng số 1 - TNHH một thành viên. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần Xây dựng số Z có đơn xin xét xử vắng mặt.

***Bản án sơ thẩm số 22/2020/KDTM-ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm đã xử :***

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với Công ty TNHH T. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần nợ lãi trên lãi chậm trả.

Buộc Công ty TNHH T phải trả Ngân hàng TMCP S số tiền nợ tính đến ngày 29/10/2019: Tổng số tiền là 21.662.338.677 ( hai mươi một tỷ, sáu trăm sáu mươi hai triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn, sáu trăm bảy mươi bảy đồng) trong đó nợ gốc: 11.829.929.826 ( mười một tỷ, tám trăm hai mươi chín triệu, chín trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm hai mươi sáu đồng); Nợ lãi trong hạn: 6.629.686.236 ( sáu tỷ, sáu trăm hai mươi chín triệu, sáu trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm ba mươi sáu đồng); Lãi quá hạn gốc: 3.202.722.615 (ba tỷ, hai trăm linh hai triệu, bảy trăm hai mươi hai nghìn, sáu trăm mười lăm đồng).

Từ ngày 30/10/2019, Công ty TNHH T tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Trường hợp Công ty TNHH T không thực hiện được hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, Ngân hàng TMCP S được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp cho khoản vay để thu hồi nợ cho ngân hàng. Cụ thể là: Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng thi công lắp đặt hệ thống cơ điện số 16/HĐ-DA268/2013/CÔNG TY Z-TECHCOM giữa Công ty TNHH T và Công ty cổ phần Xây dựng số Z.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ nghĩa vụ trả nợ, Công ty TNHH T phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho ngân hàng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm, Ngân hàng TMCP S kháng cáo bản án sơ thẩm với lý do Bản án sơ thẩm không xem xét đầy đủ, toàn diện vụ án dẫn đến kết quả giải quyết vụ án ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng S. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng

***Tại cấp phúc thẩm:***

Ngân hàng TMCP S xác nhận Công ty TNHH T (sau đây gọi tắt là Công ty T) ký với Ngân hàng TMCP S (S) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 51/2004/HĐHM-PN/S.111300 ngày 16/09/2014, như đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là Các khoản tiền mà Công ty TNHH T phải thu phát sinh từ Hợp đồng thi công lắp đặt hệ thống cơ điện số 16/HĐ-DA268/2013/CÔNG TY Z-TECHCOM ngày 24/8/2013 giữa Công ty T và Công ty Z theo Hợp đồng thế chấp số 52/2013/TCQĐN/S.TNHN ký giữa Ngân hàng S và Công ty T ngày 18/12/2013 và phụ lục hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 01/2014/PLHĐ ngày 16/9/2014. Tổng giá trị tài sản thế chấp là 110.796.131.000 đồng. Việc thế chấp quyền đòi nợ được Công ty Z xác nhận đồng ý tại Công văn số 135/2013/TB.S.TNHN ngày 18/12/2013 và đăng ký giao dịch bảo đảm số 1153276056 do Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội chứng nhận ngày 23/12/2013 theo quy định.

Ngân hàng S không đồng ý giảm giá trị Hợp đồng số 16/HĐ-DA268/2013/CÔNG TY Z-TECHCOM ngày 24/8/2013 giữa Techcom và CÔNG TY Z từ 110.796.131.000 đồng xuống 85.603.246.000 đồng theo Phụ lục 08 ngày 11/12/2014 và giảm từ 85.603.246.000 đồng xuống còn 64.681.415.000 đồng theo Phụ lục 09 và Biểu tổng hợp giá trị quyết toán theo thỏa thuận riêng giữa Techcom và CÔNG TY Z vì các lý do sau:

Thỏa thuận giữa Techcom và CÔNG TY Z tại Phụ lục 08, Phụ lục 09 và Biểu tổng hợp giá trị quyết toán đã vi phạm Điều 6 Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 52/2013/TCQĐN/S.TNHN ngày 18/12/2013 giữa Ngân hàng S và Công ty T: “6.2 Trong thời gian thế chấp, bất cứ giao dịch nào liên quan đến tài sản thế chấp giữa bên B và các bên có liên quan đều phải được sự chấp thuận của bên A. và tại mục 6.4 quy định: Trong thời gian thế chấp, bên B và Bên thứ ba không được thỏa thuận gia hạn, điều chỉnh, thay đổi nội dung của Hợp đồng kinh tế. Trường hợp các bên thỏa thuận điều chỉnh hợp đồng thì chỉ được điều chỉnh khi có sự chấp thuận bằng văn bản của bên A”.

Đồng thời, thỏa thuận giảm giá trị hợp đồng cũng vi phạm nội dung của mục 3 Thông báo số 135/2013/TB/S.TNHN ngày 18/12/2013 mà S gửi CÔNG TY Z và CÔNG TY Z xác nhận đồng ý với nội dung: “Việc thay đổi nội dung và chấm dứt hợp đồng nêu trên phải được thông báo bằng văn bản đến S và chỉ được thực hiện nếu có sự đồng ý của S”. Do vậy, thỏa thuận về việc giảm giá trị tài sản thế chấp khi chưa có sự đồng ý của S là trái với thỏa thuận giữa các bên và vi phạm quy định pháp luật về giao dịch bảo đảm.

Ngoài ra, Phụ lục 09 và Biểu tổng hợp giá trị quyết toán cùng Biên bản thanh lý hợp đồng mà các bên cung cấp cho Tòa án không có đủ cơ sở pháp lý và thực tế để chứng minh việc giảm giá trị hợp đồng. Hai nhà thầu phụ là CÔNG TY Z và Techcom thỏa thuận về việc điều chỉnh về việc giảm giá trị của Hợp đồng theo Phụ lục 09 khi không có văn bản của Chủ đầu tư hay tổng thầu CC1 về việc điều chỉnh giá trị dự án. Tại Văn bản số 216/CÔNG TY Z-P.TCKT ngày 15/6/2018 của CÔNG TY Z gửi Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm cũng chỉ thừa nhận việc: “*Tổng thầu CC1 cắt giảm khối lượng công việc đã giao và thay đổi điều khoản thanh toán của hợp đồng đã ký kết theo nội dung Phụ lục hợp đồng số 08*” mà không đề cập đến việc điều chỉnh giá trị Hợp đồng số 16 theo Phụ lục 09 mà trước đó 2 bên đã ký kết và cung cấp cho Tòa án.

Do vậy, S không đồng ý về việc cắt giảm giá trị hợp đồng theo Phụ lục 08, Phụ lục 09 và Biểu tổng hợp giá trị quyết toán vì không có cơ sở pháp lý và có dấu hiệu nguy tạo chứng cứ cung cấp cho Tòa án và S nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

S không đồng ý về việc xác nhận giá trị dư nợ còn lại giữa Công ty T và Công ty Z là 3.221.132.616 đồng theo Biểu tổng hợp giá trị quyết toán và Biên bản thanh lý hợp đồng giữa Techcom và CÔNG TY Z.

Không có văn bản từ chủ đầu tư là Công an thành phố Hồ Chí Minh hoặc tổng thầu là Tổng công ty xây dựng số 1 về việc cắt giảm giá trị hợp đồng theo Phụ lục 09 làm căn cứ để CÔNG TY Z và Techcom xác định dư nợ còn lại theo Biểu tổng giá trị quyết toán .

Phụ lục 09, Biểu tổng giá trị quyết toán và Biên bản thanh lý hợp đồng là văn bản quan trọng, điều chỉnh giảm giá trị hợp đồng lên tới số hàng chục tỷ đồng nhưng các bên không ghi nhận ngày tháng năm đối chiếu công nợ; không ghi nhận ngày ký Phụ lục hợp đồng điều chỉnh dự án, ngày ký biên bản thanh lý hợp đồng, không có văn bản của Chủ đầu tư hay tổng thầu về việc điều chỉnh dự án. Các số liệu về dư nợ Techcom và CÔNG TY Z đưa ra cũng không khớp với số liệu các văn bản trước thời năm 2014-2015 Techcom đã cung cấp cho S.

Đề nghị Tòa án cấp Phúc thẩm ghi nhận giá trị Quyền đòi nợ của Ngân hàng TMCP S đối với Công ty TNHH T và Công ty cổ phần Xây dựng số Z cụ thể: “Các khoản tiền Công ty TNHH T phải thu, phát sinh từ Hợp đồng thi công lắp đặt hệ thống cơ điện số 16/HĐ-DA268/2013/CÔNG TY Z-TECHCOM ngày 24/8/2013 được ký giữa Công ty T Life Technologies Việt Nam và Công ty cổ phần Xây dựng số Z với Tổng giá trị là 110.796.131.000 đồng (Một trăm mười tỷ bảy trăm chín mươi sáu triệu một trăm ba một nghìn đồng chẵn) theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 52/2013/TCQĐN/S.TNHN ngày 18/12/2013 và Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 01/2014/PLHĐ ngày 16/9/2014. Buộc Công ty cổ phần Xây dựng số Z thực hiện nghĩa vụ thanh toán giá trị còn lại của Hợp đồng thi công lắp đặt hệ thống cơ điện số

16/HĐ-DA268/2013/CÔNG TY Z-TECHCOM ngày 24/8/2013 số tiền là 101.361.431.783 đồng (giá trị hợp đồng là 110.796.131.000 đồng trừ đi 9.434.699.217 đồng mà Ngân hàng TMCP S đã thu nợ) về tài khoản của Công ty TNHH T tại Ngân hàng TMCP S để trả nợ cho khoản vay của Công ty TNHH T số tiền nợ tính đến ngày 29/10/2019 là 21.662.338.677 đồng (Hai mươi một tỷ sáu trăm sáu mươi hai triệu ba trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm bảy mươi bảy đồng) trong đó nợ gốc: 11.829.929.826 (Mười một tỷ tám trăm hai chín triệu chín trăm hai nghìn tám trăm hai mươi sáu đồng); Nợ lãi trong hạn 6.629.686.236 đồng (Sáu tỷ sáu trăm hai mươi chín triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm ba mươi sáu đồng); Nợ lãi quá hạn gốc 3.202.722.615 đồng (Ba tỷ hai trăm linh hai triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm mười lăm đồng).

Từ ngày 30/10/2019, Công ty TNHH T tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ. Trường hợp Công ty TNHH T không trả các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 30/10/2019 thì Công ty cổ phần Xây dựng số Z có nghĩa vụ trả các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 30/10/2019 cho đến khi trả hết nợ khoản vay của Công ty TNHH T. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ nghĩa trả nợ, Công ty TNHH T phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ theo lãi suất tại Hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng TMCP S cho đến khi trả hết khoản nợ.

***Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:***

Đơn kháng cáo trong thời hạn, các đương sự kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

*Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:* Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tổ tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng quy định pháp luật.

***Về các nội dung kháng cáo:***

Xét việc các bên ký kết Hợp đồng tín dụng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với qui định của Luật các tổ chức tín dụng và Bộ luật dân sự. Do đó xác định Hợp đồng tín dụng hợp pháp và có hiệu lực thi hành. Do Công ty Tlife Technologies Việt Nam đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ.

Về nợ gốc: Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 17/9/2014 đến ngày 17/12/2014, Ngân hàng S đã giải ngân tổng số tiền 18.464.155.641 đồng (Mười tám tỷ bốn trăm sáu mươi bốn triệu một trăm năm mươi năm ngàn sáu trăm bốn mươi một đồng) cho Công ty T, Công ty T đã được Công ty Z thanh toán một phần công trình và đã trả nợ cho S số tiền 9.434.699.217 đồng. Từ tháng 12/2014 cho đến nay, CÔNG TY Z không thực hiện thanh toán tiền thi công cho Techcom nên khoản vay bị chuyển nợ quá hạn nên xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 11.829.929.826 là có

căn cứ.

Về lãi suất: Căn cứ vào Khế ước nhận nợ số 29- 51/2014/KUNN – DN ngày 17/12/2014 được nguyên đơn bị đơn ký kết ngày rút vốn 17/12/2014; ngày đến hạn 17/03/2015; lãi suất cho vay 10,7%/ năm; lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Xác định Công ty TNHH T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 17/03/2015. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu Công ty TNHH T phải trả lãi trong hạn và lãi quá hạn như trên là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Về tài sản thế chấp: Trường hợp Công ty TNHH T không thực hiện được hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, Ngân hàng TMCP S được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp cho khoản vay để thu hồi nợ cho ngân hàng. Cụ thể là: Các khoản tiền Công ty TNHH T phải thu, phát sinh từ Hợp đồng thi công lắp đặt hệ thống cơ điện số 16/HĐ-DA268/2013/CÔNG TY Z-TECHCOM ngày 24/8/2013 được ký giữa Công ty T Life Technologies Việt Nam và Công ty cổ phần Xây dựng số Z.

Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP S và sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 22/2019/KDTM-ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

#### **1. Về tố tụng:**

Đơn kháng cáo Ngân hàng TMCP S được làm trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời gian quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng cho tất cả các đương sự trong vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm chỉ có đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội có mặt; bị đơn là Công ty TNHH T vắng mặt tại phiên tòa không lý do; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần Xây dựng số Z có đơn xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và phiên tòa của Tòa án cấp phúc thẩm, không bổ sung ý kiến gì thêm tại cấp phúc thẩm. Tòa án căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt Công ty TNHH T và Công ty cổ phần Xây dựng số Z.

\* *Về quan hệ pháp luật:* Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP S và Công ty TNHH T phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 51/2004/HĐHM-PN/S.111300 ngày 16/09/2014 nên được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định pháp luật.



*\* Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn là Công ty TNHH T có địa chỉ trụ sở: Tầng 12, cầu thang 2, Tòa nhà S, quận N, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

*\* Về quyền khởi kiện, chủ thể khởi kiện:* Phù hợp với quy định tại Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

## **2. Về nội dung Hợp đồng tín dụng:**

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngân hàng TMCP S và Công ty TNHH T ký hợp đồng tín dụng số 51/2004/HĐHM-PN/S.111300 ngày 16/09/2014. Hạn mức số tiền vay: 52.191.000.000 đồng (Năm mươi hai tỷ một trăm chín mươi một triệu đồng chẵn); Mục đích: Bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh thanh toán thi công công trình dự án DA268 theo Hợp đồng số 16/HĐ-DA268/2013/CÔNG TY Z-TECHCOM ngày 24/8/2013 giữa Công ty T và Công ty cổ phần Xây dựng số Z (sau đây gọi tắt là CÔNG TY Z); Thời hạn vay: 3 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên; Trả nợ gốc và lãi (Trả nợ gốc: gốc trả cuối kỳ, Trả nợ gốc: lãi trả vào ngày 25 hàng tháng); Lãi suất vay trong hạn là 10.7%/năm; Lãi suất điều chỉnh 3 tháng 1 lần kể từ ngày giải ngân; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 17/9/2014 đến ngày 17/12/2014, Ngân hàng S đã giải ngân tổng số tiền 18.464.155.641 đồng (Mười tám tỷ bốn trăm sáu mươi bốn triệu một trăm năm mươi năm ngàn sáu trăm bốn mươi một đồng) cho Công ty T theo 29 khế ước nhận nợ từ số 01- 29/51/2014/KUNN-DN. Trong quá trình thực hiện dự án DA268, Công ty T đã được Công ty Z thanh toán một phần công trình và đã trả nợ cho S số tiền 9.434.699.217 đồng. Từ tháng 12/2014 cho đến nay, CÔNG TY Z không thực hiện thanh toán tiền thi công cho Techcom nên khoản vay bị chuyển nợ quá hạn. Việc bị đơn có ý kiến về việc Ngân hàng S chậm cấp tín dụng theo yêu cầu của bị đơn dẫn đến bị đơn bị tổn thất do phải huy động tài chính từ các nguồn vốn khác và hai công ty CC1 và CÔNG TY Z cắt giảm khối lượng công việc là không hợp lý đối với số tiền nợ của bị đơn đối với nguyên đơn.

Thỏa thuận của hai bên hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010. Vì vậy thỏa thuận có hiệu lực thi hành đối với các bên, xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 11.829.929.826 là có căn cứ.

Về lãi suất: Căn cứ vào Khế ước nhận nợ số 29- 51/2014/KUNN – DN ngày 17/12/2014 được nguyên đơn bị đơn ký kết ngày rút vốn 17/12/2014; ngày đến hạn 17/03/2015; lãi suất cho vay 10,7%/ năm; lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Xác định Công ty TNHH T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 17/03/2015. Việc hai bên thỏa thuận về lãi suất như trên là tự nguyện, phù hợp với thỏa thuận của các bên tại hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, khế ước nhận nợ và phù hợp quy định pháp luật. Vì vậy Công ty TNHH T phải chịu lãi suất tính từ ngày 17/3/2015 đến ngày

29/10/2019 là 6.629.686.236 đồng và lãi suất vi phạm tính trên nợ gốc chưa thanh toán 3.202.722.615 đồng, tổng cộng là 9.832.408.851 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu Công ty TNHH T phải trả lãi trong hạn và lãi quá hạn như trên là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

**3. Về tài sản thế chấp:** Xét khoản vay trên được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 52/2013/PLH ngày 18/12/2013 và phụ lục hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 01/2014/PLHĐ ngày 16/9/2014. Tại Điều 1 của hợp đồng thế chấp có ghi về tài sản thế chấp: bên B đồng ý dùng tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của mình bao gồm các khoản tiền bên B phải thu phát sinh từ Hợp đồng thi công lắp đặt hệ thống cơ điện số 16/HĐ- DA 268/2013/CÔNG TY Z – TECHCOM ngày 24/8/2013 ( bao gồm cả các phụ lục sửa đổi, bổ sung ( nếu có) được ký giữa bên B và Công ty cổ phần Xây dựng số Z, địa chỉ tại số 8 Phạm Ngọc Thạch, pH 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh ( gọi tắt là bên thứ 3) ( sau đây gọi tắt là Hợp đồng kinh tế) thế chấp cho bên A để bảo đảm thực hiện cho các nghĩa vụ quy định tại Điều 2 Hợp đồng này. Ngay sau đó, việc thế chấp quyền đòi nợ được Công ty Z xác nhận đồng ý tại Công văn số 135/2013/TB.S.TNHN ngày 18/12/2013 và đăng ký giao dịch bảo đảm số 1153276056 do Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội chứng nhận ngày 23/12/2013. Việc thế chấp là tự nguyện, nội dung phù hợp với quy định pháp luật về hợp đồng thế chấp, việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và đã được bên thứ ba là Công ty Z xác nhận đồng ý nên cần được chấp nhận.

Đối với giá trị của Hợp đồng số 16/HĐ-DA268/2013/CÔNG TY Z-TECHCOM ngày 24/8/2013 được ký giữa Công ty T Life Technologies Việt Nam và Công ty cổ phần Xây dựng số Z với Tổng giá trị là 110.796.131.000 đồng. Căn cứ Điều 6 Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 52/2013/TCQĐN/S.TNHN ngày 18/12/2013 giữa Ngân hàng S và Công ty T: *“6.2 Trong thời gian thế chấp, bất cứ giao dịch nào liên quan đến tài sản thế chấp giữa bên B và các bên có liên quan đều phải được sự chấp thuận của bên A. và tại mục 6.4 quy định: Trong thời gian thế chấp, bên B và Bên thứ ba không được thỏa thuận gia hạn, điều chỉnh, thay đổi nội dung của Hợp đồng kinh tế. Trường hợp các bên thỏa thuận điều chỉnh hợp đồng thì chỉ được điều chỉnh khi có sự chấp thuận bằng văn bản của bên A”* và mục 3 Thông báo số 135/2013/TB/S.TNHN ngày 18/12/2013 mà S gửi CÔNG TY Z và CÔNG TY Z xác nhận đồng ý với nội dung: *“Việc thay đổi nội dung và chấm dứt hợp đồng nêu trên phải được thông báo bằng văn bản đến S và chỉ được thực hiện nếu có sự đồng ý của S”*. Như vậy, việc thay đổi giá trị hợp đồng số 16 nêu trên từ 110.796.131.000 đồng xuống 85.603.246.000 đồng theo Phụ lục 08 ngày 11/12/2014 và giảm từ 85.603.246.000 đồng xuống còn 64.681.415.000 đồng theo Phụ lục 09 và biểu tổng hợp giá trị quyết toán theo thỏa thuận riêng giữa Techcom và CÔNG TY Z nhưng không được sự đồng ý của Ngân hàng là không phù hợp với thỏa thuận đã ký giữa hai bên và đưa được bên thứ 3 là Công ty Z xác nhận nên việc tự ý thay đổi giá trị hợp đồng số 16 nêu trên làm giảm giá trị tài sản thế chấp của bị đơn với Công ty Z là không đúng quy định.

Từ phân tích trên, căn cứ các Điều 317, 318, 319; Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận đối với yêu cầu của nguyên đơn: Trường hợp Công ty TNHH T không thực hiện được hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, Ngân hàng TMCP S được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp cho khoản vay để thu hồi nợ cho ngân hàng. Cụ thể là: Các khoản tiền Công ty TNHH T phải thu, phát sinh từ Hợp đồng thi công lắp đặt hệ thống cơ điện số 16/HĐ-DA268/2013/CÔNG TY Z-TECHCOM ngày 24/8/2013 được ký giữa Công ty T Life Technologies Việt Nam và Công ty cổ phần Xây dựng số Z.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn và cần sửa về cách tuyên của Tòa án cấp sơ thẩm.

Kết luận của vị đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Căn cứ:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 38, Khoản 2 Điều 148, khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật tổ chức tín dụng (Đã được sửa đổi bổ sung năm 2010).

- Căn cứ các Điều 317, 318, 319; 463, 466, 470; Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 22/2019/KDTM-ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với Công ty TNHH T. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần nợ lãi trên lãi chậm trả.

2. Buộc Công ty TNHH T phải trả Ngân hàng TMCP S số tiền nợ tính đến ngày 29/10/2019 tổng số tiền là 21.662.338.677 (hai mươi một tỷ, sáu trăm sáu mươi hai triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn, sáu trăm bảy mươi bảy đồng) trong đó nợ gốc: 11.829.929.826 (mười một tỷ, tám trăm hai mươi chín triệu, chín trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm hai mươi sáu đồng); Nợ lãi trong hạn: 6.629.686.236 (sáu tỷ, sáu trăm hai mươi chín triệu, sáu trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm ba mươi sáu đồng); Lãi quá hạn: 3.202.722.615 (ba tỷ, hai trăm linh hai triệu, bảy trăm hai mươi hai nghìn, sáu trăm mười lăm đồng).

Từ ngày 30/10/2019, Công ty TNHH T tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Trường hợp Công ty TNHH T không thực hiện được hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, Ngân hàng TMCP S được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp cho khoản vay để thu hồi nợ cho ngân Hàng. Cụ thể là: “Các khoản tiền Công ty TNHH T phải thu phát sinh từ Hợp đồng thi công lắp đặt hệ thống cơ điện số 16/HĐ-DA268/2013/CÔNG TY Z-TECHCOM ngày 24/8/2013 được ký giữa Công ty T Life Technologies Việt Nam và Công ty cổ phần Xây dựng số Z có giá trị là 110.796.131.000 đồng (Một trăm mười tỷ bảy trăm chín mươi sáu triệu một trăm ba một nghìn đồng chẵn) theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 52/2013/TCQĐN/S.TNHN ngày 18/12/2013 và Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 01/2014/PLHĐ ngày 16/9/2014. Việc thế chấp quyền đòi nợ được Công ty CP xây dựng số 14 xác nhận đồng ý tại Thông báo số 135/2013/TB/S.TNHN ngày 18/12/2013 và đăng ký giao dịch bảo đảm số 1153276056 do Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội chứng nhận ngày 23/12/2013.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 3 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ nghĩa vụ trả nợ, Công ty TNHH T phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho ngân hàng.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**2. Về án phí:** Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả Ngân hàng TMCP S số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AK/2010/0009021 ngày 25/12/2019 tại chi cục Thi hành án quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Công ty TNHH T phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 129.662.338 ( một trăm hai mươi chín triệu, sáu trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm ba mươi tám) đồng. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 63.987.000 đồng (sáu mươi ba triệu, chín trăm tám mươi bảy nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AK/2010/0007748 ngày 26/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 27/11/2020.

**Nơi nhận:**

- VKSND T/p Hà Nội;
- TAND quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục THADS quận Nam Từ Liêm
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thanh Bình**



